

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 418/2018/HC-PT

Ngày: 26-9-2018

V/v: khiếu kiện hủy Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất hoặc đính chính
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tất N

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn C

Ông Phùng Hải H

- Thư ký phiên tòa: ông Đỗ Ngọc C1 - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội: Bà Trần Thị N2
- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 114/2018/TLPT-HC ngày 27 tháng 4 năm 2018 về việc “Khiếu kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đính chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HCST ngày 15-3-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6160/2018/QĐ-PT ngày 11-9-2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Khánh H2 sinh năm 1970; trú tại phố V, thị trấn T, huyện T2, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Đỗ Anh Thắng - Công ty Luật TNHH ASEM Việt Nam thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện hợp pháp: Ông Quách Hải L - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T tham gia tố tụng theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (Giấy ủy quyền tham gia tố tụng ngày 16-11-2017), có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Mạnh H3 sinh năm 1943, có mặt.

2. Bà Đàm Thị L sinh năm 1948, có mặt.

Trú tại phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

3. Bà Nguyễn Thị Hồng T3 sinh năm 1970, có mặt.

4. Chị Nguyễn Khánh L sinh năm 1995, vắng mặt.

Trú tại: Phố V, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

5. Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hà Xuân T3 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T tham gia tố tụng theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T (Giấy ủy quyền ngày 07-9-2018), có mặt.

6. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo trình bày của người khởi kiện:

Hộ ông Nguyễn Mạnh H3 - bố đẻ ông Nguyễn Khánh H2 là chủ sử dụng thửa đất số 161-1, tờ bản đồ số 29, diện tích 575 m² tại phố H, thị trấn T, tỉnh P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V612947 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 05-10-2002, mang tên hộ ông H3.

Năm 2004, bố mẹ ông chia tách đất cho 4 người con trong đó ông H2 được tặng cho 106,85 m² đất (theo trích lục bản đồ ngày 09-6-2004). Sau đó ông có đăng ký quyền sử dụng 106,85m² đất mà bố mẹ đã tặng cho riêng ông.

Ngày 28-6-2004, Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp cho ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S649585. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi chủ sử dụng là hộ ông Nguyễn Khánh H2, được quyền sử dụng 106,8 m² (trong đó có 90 m² đất ở, 16, 8 m² đất vườn), thửa đất số 161-10, tờ bản đồ số 29, tại phố H, thị trấn T, tỉnh P. Tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông có sổ hộ khẩu số 502 quyền số 7 do Công an thị trấn T cấp ngày 20-6-1999 đứng tên một mình ông. Bố mẹ chia riêng đất cho ông, hộ khẩu đứng tên một mình ông và do không hiểu biết khái niệm “hộ” nên khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông không yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T đính chính tên chủ sử dụng đất.

Vào các năm 2012, 2014 và 2015 vợ ông là bà T3 có hỏi mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông với thửa đất mà ông được bố mẹ tặng cho để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng và được ông đồng ý. Ông cho rằng đó là tài sản của riêng và ông dùng tài sản đó để bảo lãnh cho khoản vay ở Ngân hàng. Khi vay vốn

ngân hàng thủ tục cần có chữ ký của ông nên ông đã ký vào hợp đồng thế chấp mà không hề được Công chứng viên giải thích về quyền và nghĩa vụ liên quan. Việc vay vốn ngân hàng đến nay vợ ông đã trả nợ xong, đã xóa đăng ký thế chấp và ông đã nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà T trả lại cho ông.

Ngày 15-9-2017, ông nhận được thông báo thi hành án số 81/TB-CCTHADS và Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 20/QĐ-CCTHADS của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Theo đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện T xác định thửa đất số 161-10, tờ bản đồ số 29, tại phố H, thị trấn T, tỉnh Phú Thọ là tài sản chung của ông và vợ ông là Nguyễn Thị Hồng T3 là đối tượng bị kê biên để đảm bảo thi hành án đối với khoản vay riêng của vợ ông đã vay bà Nguyễn Thị Thu N (theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 14/2017/QĐST-DS ngày 19-5-2017 của Tòa án nhân dân huyện T). Từ việc nhận được thông báo và quyết định nêu trên của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thì ông mới phát hiện Ủy ban nhân dân huyện T khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông đối với diện tích đất được bố mẹ ông tặng cho đã ghi sai chủ sử dụng là cá nhân ông Nguyễn Khánh H2 thành “hộ ông Nguyễn Khánh H2”.

Ngày 13-7-2004, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 846/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Khánh H2 và những người con khác của bố mẹ ông đều căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30-5-2004. Nhưng thực tế không có hợp đồng chuyển nhượng nào ngày 30-5-2004 mà chỉ có Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Mạnh H và bà Đàm Thị L (bố mẹ đẻ ông H2) với cá nhân ông Nguyễn Khánh H2 ngày 04-6-2004 (hợp đồng này được Ủy ban nhân dân thị trấn T và Ủy ban nhân dân huyện T xác nhận ngày 04-6-2004); đơn xin chia tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02-6-2004 và Biên bản họp gia đình chia đất cho các con ngày 09-6-2004.

Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 13-7-2004 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông 15 ngày (Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S649585 cho ông ngày 28-6-2004.

Ông khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S649585 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Nguyễn Khánh H2 ngày 28-6-2004 hoặc đính chính tên gọi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ “hộ ông Nguyễn Khánh H2” thành “ông Nguyễn Khánh H2”.

2. Người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Thời điểm năm 2004, ông Nguyễn Khánh H2 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Mạnh Hiền và bà Đàm Thị L được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 846/QĐ-UB ngày 13-7-2004 số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 01937 ngày 28-6-2004, số

phát hành S 649585, tờ bản đồ số 29, thửa đất số 161-10, diện tích 106,8 m² (trong đó có 90 m² đất ở và 16,8 m² đất vườn), chủ sử dụng là “hộ ông Nguyễn Khánh H2” tại phố Hoàng Sơn, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi xem xét hồ sơ trên, cụ thể tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30-5-2004, Đơn đăng ký quyền sử dụng đất, Biên bản họp gia đình ngày 09-6-2004 chỉ thể hiện người nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ông Nguyễn Khánh H2, không có tên bà Nguyễn Thị Hồng T (vợ ông H2) trong các giấy tờ trên. Do vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Khánh H2 là chưa đúng với hợp đồng tặng cho, hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận (Lý do: thời điểm cấp mẫu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều thể hiện là cấp cho hộ) và đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Khánh H2 hoặc đính chính tên gọi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ “hộ ông Nguyễn Khánh H2” thành “ông Nguyễn Khánh H2” (bỏ chữ “hộ”) là có căn cứ.

Tuy nhiên, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Nguyễn Khánh H2 không có ý kiến phản ánh gì về nội dung trên và tiếp tục sử dụng bình thường. Cụ thể, vợ chồng ông H2 đã thế chấp tài sản này tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Việt Trì, sau đó chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Nguyễn Thăng Hoàn (là em trai ông Nguyễn Khánh H2) theo hợp đồng lập ngày 04-8-2017 tại Văn phòng công chứng T. Đồng thời Chi cục Thi hành án dân sự huyện T có Quyết định số 20/QĐ – CCTHADS ngày 15-9-2017 về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Nguyễn Khánh H2 không được chuyển dịch, chuyển nhượng tài sản (gồm diện tích đất và tài sản liên quan đến đất nêu trên) cho đến khi bà Hồng T thi hành án xong hoặc có quyết định của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện T không thực hiện các thủ tục hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp, cấp đổi lại Giấy quyền sử dụng đất bỏ chữ “hộ” trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H2. Ủy ban nhân dân huyện T chờ quyết định của Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hiền, bà L trình bày:

Ông bà là bố mẹ của ông Nguyễn Khánh H2. Trước đó ông bà là chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất số 161-1, tờ bản đồ số 29, diện tích 575 m² tại phố Hoàng Sơn, thị trấn T, tỉnh Phú Thọ. Diện tích này đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà vào năm 2002.

Năm 2004, do các con có nhu cầu ở riêng nên ông bà đã họp gia đình để chia đất cho các con. Ngày 02-6-2004, ông Hiền đã làm đơn xin tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các con gửi Ủy ban nhân dân thị trấn T đối với quyền sử dụng đất thửa số 161-1, tờ bản đồ số 29 nêu trên. Trong đó, ông bà và các con thống nhất chia mảnh đất ra thành 5 phần (4 phần cho 4 con là anh Nguyễn Khánh

H2, anh Nguyễn Việt Hà, chị Nguyễn Thị Thu Nga, anh Nguyễn Thăng Hoàn và 1 phần cho ông bà). Phần diện tích mà ông bà tặng cho anh Nguyễn Khánh H2 là 106,85 m² (có lập biên bản họp gia đình ngày 09-6- 2004 và trích lục bản đồ địa chính lập cùng ngày). Khi tặng đất ông bà chỉ tặng cho con đẻ chứ không tặng cho con dâu, con rể hay cháu nội ngoại.

Sau đó, ông bà có biết việc anh H2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được nhận tặng cho còn thông tin cụ thể trên Giấy chứng nhận như thế nào ông bà không được biết. Chỉ đến khi anh H2 nói cho ông bà biết việc nhận được quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản để đảm bảo thi hành án đối với khoản nợ riêng của chị T của Cơ quan Thi hành án huyện T thì ông bà mới biết thửa đất ông bà đã tặng ông năm 2004 mang tên “hộ ông Nguyễn Khánh H2”. Do đó mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đã xác định vợ và con anh H2 cũng có quyền sử dụng thửa đất là không đúng (vì ông bà chỉ tặng riêng cho anh H2).

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh H2, ông bà hoàn toàn nhất trí và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T đính chính tên của chủ sở hữu thửa đất từ “hộ ông Nguyễn Khánh H2 thành “ông Nguyễn Khánh H2”.

- Bà T trình bày:

Bà đồng ý với nội dung trình bày của ông Nguyễn Khánh H2 trong quá trình giải quyết vụ án. Năm 2014, do bên nhà bà có nhu cầu vay vốn ngân hàng, nên bà đã mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay vốn ngân hàng. Theo yêu cầu của ngân hàng và cơ quan công chứng thì bà, ông H2 và các con phải ký vào hợp đồng thế chấp mà không được giải thích gì về quyền và nghĩa vụ liên quan. Bà cho rằng mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay vốn ngân hàng rồi trả nợ xong ngân hàng sẽ trả lại giấy. Bà khẳng định đây là tài sản riêng của ông H2 được bố mẹ tặng chứ không phải của vợ chồng bà. Bà cũng không có quyền, nghĩa vụ gì với thửa đất đó. Ông H2 nhận được Quyết định số 20/QĐ-CCTHADS ngày 15-9-2017 về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Theo đó Chi cục Thi hành án dân sự huyện T xác định thửa đất số 161-10, tờ bản đồ số 29, tại phố Hoàng Sơn, thị trấn T, tỉnh Phú Thọ là tài sản chung của ông H2 và bà là đối tượng bị kê biên để đảm bảo thi hành án đối với khoản vay riêng của bà với bà Nguyễn Thị Thu Nguyên (theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 14/2017/QĐST-DS ngày 19-5-2017 của Tòa án nhân dân huyện T). Từ việc nhận được thông báo và quyết định nêu trên của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thì ông H2 mới phát hiện Ủy ban nhân dân huyện T đã ghi sai tên chủ sử dụng thửa đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà khẳng định khoản vay giữa bà với bà Nguyễn Thị Thu Nguyên là khoản vay riêng của cá nhân bà, không liên quan đến ông Nguyễn Khánh H2 và bà tự chịu trách nhiệm về khoản vay của mình.

Tại Bản án sơ thẩm số 03/2018/HCST ngày 15-3-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; điểm a khoản 1 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Khánh H2; buộc Ủy ban nhân dân huyện T phải đính chính tên gọi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 649585 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho “hộ ông Nguyễn Khánh H2” ngày 28-6-2004 thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 649585 cấp cho “ông Nguyễn Khánh H2”.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 32/QĐKNPT-VKS-HC ngày 29-3-2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã kháng nghị bản án sơ thẩm số 03/2018/HCST ngày 15-3-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ; đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án, hủy bản án sơ thẩm nêu trên chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm lại theo quy định tại khoản 3 Điều 241 luật tổ tụng hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội rút 01 phần kháng nghị về yêu cầu đưa Chi cục Thi hành án dân sự huyện T vào tham gia tố tụng, giữ nguyên các nội dung khác của kháng nghị; đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án vì thời hiệu khởi kiện đã hết.

Người khởi kiện là ông Nguyễn Khánh H2 trình bày, đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện nhất trí với việc đại diện Viện kiểm sát rút 01 phần kháng nghị; tuy nhiên, Luật sư cho rằng kháng nghị nhận định thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết là không chính xác; đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện người bị kiện giữ nguyên quan điểm đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 649585 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Nguyễn Khánh H2 ngày 28-6-2004 là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai; đây là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện

Ông Nguyễn Khánh H2 được bố mẹ là ông Nguyễn Mạnh Hiền và bà Đàm Thị L cho 106,8 m² đất; ông H2 đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 28-6-2004, UBND huyện T đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Khánh H2 sử dụng 106,8 m² đất, trong đó có 90 m² đất ở và 16,8 m² đất vườn, thửa đất 161-10, tờ bản đồ số 29, địa chỉ tại phố Hoàng Sơn, thị trấn T, tỉnh Phú Thọ. Ông H2 nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình ông từ năm 2004 nH2 sau đó không có ý kiến gì, không yêu cầu cơ quan chức năng xác nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là tài sản của riêng ông (ông H2 kết hôn với bà T từ năm 1994).

Vào các năm 2012, 2014 và 2015, vợ chồng ông H2, bà T đã nhiều lần thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên cho Ngân hàng để vay tiền. Ngoài ra, sau khi giải chấp khoản vay ngân hàng, ngày 04-8-2017, ông H2, bà T còn thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng thửa đất này cho anh Nguyễn Thăng Hoàn (là em trai ông H2). Trong các hợp đồng thế chấp vay ngân hàng và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông H2, bà T và thành viên trong gia đình đều xác định thửa đất trên là tài sản chung của gia đình. Không phải là tài sản riêng của ông H2.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận ông H2 đã thừa nhận thửa đất là tài sản chung của gia đình, từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004.

Theo Quyết định công nhận thỏa thuận số 14/2017/QĐST-DS ngày 19-5-2017 của Tòa án nhân dân huyện T, thì bà Nguyễn Thị Hồng T (vợ ông H2) phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu Nguyên số tiền 312.000.000 đồng. Đến hạn, bà T không trả được nợ nên ngày 15-9-2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đã ban hành quyết định số 20/QĐ-CCTHADS quyết định kê biên tài sản là thửa đất nêu trên (là tài sản của vợ chồng ông H2, bà T) để bảo đảm thi hành án cho bà Nguyên; đến thời điểm này, ông H2 khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp cho hộ gia đình ông hoặc đính chính tên gọi trong giấy chứng nhận từ hộ “ông Nguyễn Khánh H2” thành “ông H2”, thì thời hiệu khởi kiện đã hết. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đến thời điểm tháng 9 năm 2017 khi nhận quyết định kê biên thửa đất (là tài sản chung của gia đình) để bảo đảm thi hành án, ông H2 mới biết quyền lợi của mình bị xâm phạm, để xác định thời hiệu khởi kiện, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H2,

buộc Ủy ban nhân dân huyện đình chính tên gọi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ “hộ ông H2” thành cấp cho “ông H2” là không đúng pháp luật, không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án; vì thế, tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị chấp nhận kháng nghị phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 241; điểm g khoản 1 Điều 143 Luật tổ tụng hành chính; hủy Bản án sơ thẩm số 03/2018/HCST ngày 15-3-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Các đương sự không phải chịu án phí (trả lại ông Nguyễn Khánh H2 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai số 008016 ngày 30-10-2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tất N